

Số: 1025/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 918/QĐ-BKHĐT ngày 19/05/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐHVCSPT ngày 02/11/2021 của Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-HVCSPT ngày 06/07/2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo tại Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ đề xuất của khoa Kế toán – Kiểm toán và Biên bản thông qua các chương trình đào tạo cập nhật năm 2023 của Hội đồng khoa học và đào tạo Học viện.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán, áp dụng từ Khóa 14 tuyển sinh năm 2023. (có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Kế toán – Kiểm toán, Người đứng đầu các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám đốc Học viện (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1025/QĐ-HVCSPT ngày 25/08/2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

Ngành đào tạo: **KẾ TOÁN**  
Mã số: **73 40 301**  
Trình độ đào tạo: **Đại học**  
Chuyên ngành: **Kế toán – kiểm toán**

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy ngành Kế toán của Học viện Chính sách và Phát triển đào tạo cử nhân Kế toán có kiến thức tổng quan về kinh tế, tài chính và kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, thuế và phân tích tài chính, tổ chức và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán; Có năng lực chuyên môn vững chắc và năng lực nghề nghiệp đa dạng; thích ứng với môi trường làm việc đa văn hóa, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của thị trường lao động và những thách thức của cách mạng công nghiệp và toàn cầu hóa. Chương trình cũng góp phần rèn luyện sinh viên có phẩm chất chính trị, có trách nhiệm với xã hội, có đạo đức nghề nghiệp và có năng lực học tập suốt đời.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành kế toán – kiểm toán hướng đến các mục tiêu cụ thể sau:

**MTCT1:** Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán và các lĩnh vực liên quan phục vụ cho nghề nghiệp như kinh tế, tài chính, chính sách, pháp luật; Kiến thức ngành cũng như kiến thức chuyên môn sâu về kế toán, kiểm toán, thuế; Tổ chức và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán phù hợp với chuẩn mực, thông lệ trong nước và quốc tế theo bối cảnh thực tiễn.

**MTCT2:** Trang bị cho người học những kỹ năng để thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực kế toán – kiểm toán ở các đơn vị kế toán, kiểm toán.

**MTCT3:** Trang bị cho người học kỹ năng sử dụng tin học, công nghệ và ngoại ngữ hiệu quả trong công việc

**MTCT4:** Trang bị cho người học kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng quản trị thời gian, làm việc nhóm, làm việc độc lập, giao tiếp hiệu quả trong công việc hình thành năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm và tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

#### **1.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học**

Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện chính sách và phát triển. Có khả năng nghe, nói, đọc viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam

Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet anh Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

#### **1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

+ Có đủ điều kiện và khả năng tự nghiên cứu, phát triển trình độ kiến thức và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

+ Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành kinh tế, kế toán, kiểm toán với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

+ Độc lập thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, sản phẩm liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **A. Chuẩn về kiến thức**

#### **A1. Chuẩn đầu ra chung của Học viện**

- 1. CĐR1.** Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- 2. CĐR2.** Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội.
- 3. CĐR3.** Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.
- 4. CĐR4.** Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế, các quy định, khung lý thuyết cơ bản liên quan đến lĩnh vực kế toán-kiểm toán vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

#### **A2. Chuẩn đầu ra chung ngành**

- 5. CĐR5.** Vận dụng được kiến thức về kế toán, kiểm toán, thuế và tài chính ngân hàng vào thực hiện công tác kế toán, kiểm toán tại đơn vị.
- 6. CĐR6.** Vận dụng kiến thức về kế toán, kiểm toán, thuế và tài chính vào phân tích, đánh giá các hoạt động của đơn vị.

#### **A3. Chuẩn đầu ra của chuyên ngành**

- 7. CĐR7.** Vận dụng kiến thức kế toán và tổ chức công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp: Tập đoàn kinh tế; Doanh nghiệp xây lắp; Doanh nghiệp thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu; Ngân hàng thương mại; Các đơn vị hành chính sự nghiệp.... Tổ chức một và thực hiện cuộc kiểm toán độc lập. Kê khai quyết toán thuế trên phần mềm của cơ quan thuế.
- 8. CĐR8.** Phân tích và đánh giá được các chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính, các thông tin và dữ liệu kế toán của doanh nghiệp hoặc tổ chức phục vụ cho mục đích ra quyết định của nhà quản trị và hoạch định chính sách tài chính tại các đơn vị công các tổ chức kinh tế, xã hội.

## B. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

### B1. Kỹ năng nghề nghiệp

9. **CDR9.** Có kỹ năng tư duy, giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kế toán, kiểm toán, thuế trong các đơn vị kế toán
10. **CDR10.** Có kỹ năng lập và phân tích dự toán, kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, phân tích tài chính; Kỹ năng tham mưu tư vấn cho các nhà quản lý trong việc thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ và ra quyết định kinh tế-tài chính.

### B2. Kỹ năng mềm

11. **CDR11.** Có kỹ năng giao tiếp; Làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm; viết báo cáo và thuyết trình, trả lời phỏng vấn chuyên môn... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo
12. **CDR12.** Có kỹ năng phối hợp, dẫn dắt và quản lý thời gian tổ chức các hoạt động kế toán, kiểm toán.
13. **CDR13.** Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; Có khả năng phân tích dữ liệu lớn; Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán.

## C. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

14. **CDR14.** Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp; Có năng lực học tập suốt đời.
15. **CDR15.** Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể, đơn vị.

## 3. Ma trận 1. Ma trận liên kết giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ký hiệu CDR	CDR của chương trình đào tạo	Mục tiêu của CTĐT			
		MTCT1	MTCT2	MTCT3	MTCT4
CDR1	Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.	x			
CDR2	Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội.	x			x
CDR3	Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào	x			

	phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.				
<b>CDR4</b>	Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế, các quy định, khung lý thuyết cơ bản liên quan đến lĩnh vực kế toán-kiểm toán vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.	x			
<b>CDR5</b>	Vận dụng được kiến thức về kế toán, kiểm toán, thuế và tài chính ngân hàng vào thực hiện công tác kế toán, kiểm toán tại đơn vị.	x	x		
<b>CDR6</b>	Vận dụng kiến thức về kế toán, kiểm toán, thuế và tài chính vào phân tích, đánh giá các hoạt động của đơn vị.	x	x		
<b>CDR7</b>	Vận dụng kiến thức kế toán và tổ chức công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp: Tập đoàn kinh tế; Doanh nghiệp xây lắp; Doanh nghiệp thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu; Ngân hàng thương mại; Các đơn vị hành chính sự nghiệp.... Tổ chức một và thực hiện cuộc kiểm toán độc lập. Kê khai quyết toán thuế trên phần mềm của cơ quan thuế.	x	x	x	x
<b>CDR8</b>	Phân tích và đánh giá được các chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính, các thông tin và dữ liệu kế toán của doanh nghiệp hoặc tổ chức phục vụ cho mục đích ra quyết định của nhà quản trị và hoạch định chính sách tài chính tại các đơn vị công các tổ chức kinh tế, xã hội.	x	x	x	x
<b>CDR9</b>	Có kỹ năng tư duy, giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kế toán, kiểm toán, thuế trong các đơn vị kế toán		x		x
<b>CDR10</b>	Có kỹ năng lập và phân tích dự toán, kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, phân tích tài chính; Kỹ năng tham mưu tư vấn cho các nhà quản lý trong việc thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ và ra quyết định kinh tế, tài chính.		x		x
<b>CDR11</b>	Có kỹ năng giao tiếp; Làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm; viết báo cáo và thuyết			x	x

	trình, trả lời phỏng vấn chuyên môn... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo				
<b>CDR12</b>	Có kỹ năng phối hợp, dẫn dắt và quản lý thời gian tổ chức các hoạt động kế toán, kiểm toán.				X
<b>CDR13</b>	Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; Có khả năng phân tích dữ liệu lớn; Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán.			X	
<b>CDR14</b>	Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp; Có năng lực học tập suốt đời.				X
<b>CDR15</b>	Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể, đơn vị.		X		X

**4. Ma trận 2. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

STT	Mã HP	Tên Học phần	Số TC	Chuẩn đầu ra															
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>																			
1	THML04	Triết học Mác – Lênin	3	2															
2	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2															
3	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin	2	2															
4	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2															
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2															
6	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			3								x					
7	UĐC01	Pháp luật đại cương	3		3														
8	TOĐC06	Tin học đại cương	3			2											x		
9	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3														x		
10	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3														x		
11	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3														x		
12	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3				3												
13	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3				3												
14	TOCC05	Toán cao cấp	3			3													
15	OLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			3													
16	TACB01	<i>Tiếng Anh cơ bản 1*</i>	3														x		
17	GDQP02	<i>Giáo dục quốc phòng*</i>	8															x	x
18	GDTC08	<i>Giáo dục thể chất 1*</i>	2															x	x
19	GDTC06	<i>Giáo dục thể chất 2*</i>	2															x	x
20	GDTC07	<i>Giáo dục thể chất 3*</i>	2															x	x
21	QTKN01	<i>Phát triển kỹ năng*</i>	3											x	x				x
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>																			
<b>2.1 Kiến thức cơ sở ngành</b>																			
<b>2.1.1 Cơ sở ngành bắt buộc</b>																			
21	KHMA04	Kinh tế vi mô 2	3		3														

22	CSCS11	Chính sách công	3		3													
23	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3		3													
24	ACST01	Chuẩn mực kế toán quốc tế và Việt Nam	3				3					x		x			x	
25	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3				3					x		x				
26	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3		3													
<b>2.1.2 Cơ sở ngành lựa chọn</b>																		
27	TOKT05	Kinh tế lượng	3		3													
28	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3		3													
29	ĐNQT02	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		3													
30	QTMC02	Marketing căn bản	3		3													
31	QTHO06	Quản trị học	3		3													
32	ACIF02	Hệ thống thông tin kế toán	3				3	3				x		x				
33	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3		3													
<b>2.2 Kiến thức ngành</b>																		
<b>2.2.1 Ngành bắt buộc</b>																		
34	TCDN22	Tài chính doanh nghiệp	3				3	3	4									
35	TCKH04	Kế toán tài chính	3					3		4		x		x				
36	TCKQ01	Kế toán quản trị 1	3				3		4					x				
37	KTCB01	Kiểm toán căn bản	3				3	3		3				x				
38	TCTH11	Thuế	3				3	3	4									
39	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2					4	4	4	5	x	x	x	x	x	x	
<b>2.2.2 Ngành lựa chọn</b>																		
40	NNKD05	Tiếng anh trong kinh doanh	3		3												x	
41	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3		3													
43	KTDN	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	3				3		4					x				



44	NHTM02	Ngân hàng thương mại	3		3												
45	TCĐG01	Định giá tài sản	3		3							x					
<b>2.3 Kiến thức chuyên ngành</b>																	
<b>2.3.1 Chuyên ngành bắt buộc</b>																	
45	TCKT22	Kiểm toán báo cáo tài chính	3					3	4	3					x		
46	TCKT29	Kế toán tài chính 2	3							3		x					
47	TCHC08	Kế toán hành chính sự nghiệp	3					3		4	4						
48	KTTH01	Kế toán thực hành	3					3		5	4						x
49	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3						4		5			x			
50	TCTH01	Kế toán thuế	3					3		5	4						x
<b>2.3.2 Chuyên ngành lựa chọn</b>																	
52	ACCO05	Kế toán xây lắp	3					3		4				x			x
54	KTNH01	Kế toán ngân hàng thương mại	3					3		4				x			x
55	KTNB01	Kiểm toán nội bộ	3					3	4	4				x			x
51	TCKT30	Kế toán quốc tế	3					3		4				x			x
53	ACFO07	Kế toán tập đoàn	3					3		4				x			x
56	ACAD07	Kế toán quản trị 2	3					3	4		5			x			x
<b>2.4 Thực tập, học phần tốt nghiệp và khoá luận tốt nghiệp</b>																	
57	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4					4	4	4	4	x	x	x	x	x	x
58	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6					4	4	4	4	x	x	x	x	x	x
59	TCKT31	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	3							4		x	x				x
60	KITN	Tổ chức quá trình kiểm toán báo cáo tài chính	3							4		x	x				x

**Ghi chú:**

**Các mức độ của thang Bloom**

(1) Nhớ                    (2) Hiểu                    (3) Vận dụng                    (4) Phân tích                    (5) Đánh giá                    (6) Sáng tạo

(\*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

5. Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm
6. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 tín chỉ
7. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
9. Thang điểm: Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

**10. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo**

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
<b>1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC&amp;QP)</b>	<b>41</b>	<b>15</b>	<b>31%</b>
<b>2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>90</b>	<b>31</b>	<b>69%</b>
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>27</b>	<b>10</b>	<b>21%</b>
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	18	7	14%
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	3	7%
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>	<b>26</b>	<b>9</b>	<b>19%</b>
2.2.1. Ngành bắt buộc	17	6	12%
2.2.2. Ngành tự chọn	9	3	7%
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>27</b>	<b>9</b>	<b>21%</b>
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	18	6	14%
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	3	7%
<b>2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp, thi tốt nghiệp</b>	<b>10</b>	<b>2</b>	<b>8%</b>
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC &amp; GDQP)</b>	<b>131</b>	<b>46</b>	<b>100%</b>

### 11. Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán – kiểm toán

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
<b>1. Giáo dục đại cương</b>			<b>41</b>	
1	THCN06	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	2	3
2	THML04	Triết học Mác- Lênin	3	1
3	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
4	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2
5	PLĐC12	Pháp luật đại cương	3	1
6	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3
7	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
8	TACB1	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
9	TACB2	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
10	TACB3	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
11	TACB4	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
12	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
13	THKT05	Kinh tế chính trị Mac -Lê Nin	2	2
14	TOLT07	Lý thuyết xác suất thống kê	3	3
15	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1
16	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
17	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3	3
<b>2. Giáo dục quốc phòng</b>				
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	2
<b>3. Giáo dục thể chất</b>				
1	GDTC01	Giáo dục thể chất 1*	2	1
2	GDTC02	Giáo dục thể chất 2*	2	2

3	GDTC03	Giáo dục thể chất 3*	2	3
<b>4. Cơ sở ngành (Bắt buộc)</b>			<b>18</b>	
1	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	3
2	CSC11	Chính sách công	3	4
3	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	4
4	ACST01	Chuẩn mực kế toán quốc tế và Việt Nam	3	5
5	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
6	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	4
<b>5. Cơ sở ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)</b>			<b>9</b>	
1	TOKT05	Kinh tế lượng	3	5
2	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	5
3	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
4	QTMC02	Marketing căn bản	3	4
5	QTHO06	Quản trị học	3	3
6	ACIF02	Hệ thống thông tin kế toán	3	5
7	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	5
<b>6. Kiến thức ngành (Bắt buộc)</b>			<b>17</b>	
1	TCDN22	Tài chính doanh nghiệp	3	4
2	TCKH04	Kế toán tài chính	3	4
3	TCKQ01	Kế toán quản trị 1	3	5
4	KTCB01	Kiểm toán căn bản	3	5
5	TCTH11	Thuế	3	5
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	6
<b>7. Kiến thức ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)</b>			<b>9</b>	
1	NNKD05	Tiếng anh trong kinh doanh	3	5
2	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	6
3	KTDN	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	3	6
4	NHTM02	Ngân hàng thương mại	3	5

5	TCĐG01	Định giá tài sản	3	6
<b>8. Chuyên ngành bắt buộc</b>			<b>18</b>	
1	TCKT22	Kiểm toán báo cáo tài chính	3	7
2	TCKT29	Kế toán tài chính 2	3	6
3	TCHC08	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	6
4	KTTH01	Kế toán thực hành	3	7
5	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	6
6	TCTH01	Kế toán thuế	3	7
<b>9. Chuyên ngành lựa chọn (Lựa chọn 9 tín chỉ)</b>			<b>9</b>	
1	ACCO05	Kế toán xây lắp	3	6
2	KTNH01	Kế toán ngân hàng thương mại	3	6
3	KTNB	Kiểm toán nội bộ	3	6
4	TCKT30	Kế toán quốc tế	3	6
5	ACFI07	Kế toán tập đoàn	3	7
6	ACAD07	Kế toán quản trị 2	3	7
<b>10. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>10</b>	
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
	<i>TTCKT31</i>	<i>Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp</i>	3	8
	<i>KITN</i>	<i>Tổ chức quá trình kiểm toán báo cáo tài chính</i>	3	8
<b>TỔNG</b>			<b>131</b>	

Ghi chú: (\*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo